PHỤ LỤC

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM, KÊ KHAI BỔ SUNG, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM(*)**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP... [1]
(Ngày..... tháng ..... năm .....)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Quê quán: .....
- Nơi thường trú: .....
- Nơi ở hiện nay: .....
- Chức vụ/chức danh: ..... Hệ số phụ cấp chức vụ: .....
- Cơ quan, đơn vị công tác: .....
- Số thẻ căn cước/Số CCCD/Số định danh cá nhân [3]: ….... ngày cấp: …… nơi cấp: ……
- Số điện thoại: ……...

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Quê quán: .....
- Nơi thường trú: .....
- Nơi ở hiện nay: .....
- Chức vụ/chức danh/nghề nghiệp, công việc đang làm [4]:..... Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có): ….....
- Cơ quan, đơn vị công tác, nơi làm việc: .....
- Số thẻ căn cước/Số CCCD/Số định danh cá nhân 3: ….... ngày cấp: ..... nơi cấp: ….....
- Số điện thoại: ……...

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Nơi ở hiện nay: .....

- Số định danh cá nhân/Số thẻ căn cước 3: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN [5]

1. Quyền sử dụng đất [6]:

1.1. Đất ở [7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ [8]: .....
- Diện tích [9]: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng [11]:

……..……..……...

- Thông tin khác (nếu có) [12]:

……..

+ Nguồn hình thành: …….....

+ Tình trạng quản lý, sử dụng: ……..……..……...

+ Ghi chú: …….....

1.1.2. Thửa thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác [13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: ..... Địa chỉ 8: .....

- Diện tích 9: .....

- Giá trị 10: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng 11: ……..……..……

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: ……..

+ Tình trạng quản lý, sử dụng: ……..……..……..……

+ Ghi chú: ……..

1.2.2. Thửa thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ 8: .....

- Loại nhà [14]: .....
- Diện tích sử dụng [15]: .....

- Giá
trị 10: ……..

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu 11: ……..……..……..

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: ……..……

+ Tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu: ……..……..……..

+ Ghi chú: ……..…….

2.1.2. Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác [16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ..... Địa chỉ 8: .....

- Diện tích 15: .....

- Giá trị 10: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu 11: ……..……..……..

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: …….....

+ Tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu: ……..……..……..

+ Ghi chú: …….....

2.2.2. Công trình thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm [17]:

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị 10: ……

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: ……..…....

+ Tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu: . ……..……..……

+ Ghi chú: …….....

3.2. Rừng sản xuất [18]:

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị 10: .....

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: ……..…....

+ Tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu: ……..……..……

+ Ghi chú: ……..…....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Đơn vị: …… Giá trị 10: .....

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Đơn vị: …… Giá trị 10: .....

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: ……..

+ Tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu: ……..……

+ Ghi chú: …….…….

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác [19].

4.1. Tài sản thứ nhất:

- Tên tài sản: ….....……. Số lượng, đơn vị tính: ….....…. Tổng giá trị: …..……..

- Thông tin khác (nếu có) 12:

……..

+ Nguồn hình thành: ……..…..……..

+ Tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu: .....

+ Ghi chú: ……..……

4.2. Tài sản thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như tài sản thứ nhất.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ): ghi tổng số tiền tại thời điểm kê khai bao gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam [20]: .....

5.1. Tiền mặt: ……..….....Tình trạng quản lý, sử dụng [21]: ……..…….....

5.2. Tiền cho vay : ..... Tài liệu minh chứng (nếu có) [22]: .....

5.3. Tiền trả trước : ..... Tài liệu minh chứng (nếu có) 22: ….....

5.4. Tiền gửi cá nhân hoặc tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam [23]

- Số tài khoản thanh toán: ..... Tại đơn vị, tổ chức: ..... Số dư tại thời điểm kê khai: .....

- Số tài khoản thanh toán: ..... Tại đơn vị, tổ chức: ..... Số dư tại thời điểm kê khai: .....

- ...

- Số tài khoản/số sổ tiết kiệm: ..... Tại đơn vị, tổ chức: ..... Số tiền: .....

- Số tài khoản/số sổ tiết kiệm: ..... Tại đơn vị, tổ chức: ..... Số tiền: .....

- ...

- Các loại tiền gửi khác: ……..... Tổng số tiền: ..... Tài liệu minh chứng (nếu có) 22: ….

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác [24]:

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ……..…. Giá trị [25]: ……

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ……..…. Giá trị 25: …….……

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ……..…. Giá trị 25: ……..……

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ……..…. Giá trị 25: ……..……

6.3. Vốn góp:

- Hình thức, loại vốn góp [26]: …….. Giá trị [27]:
…….…….

- Tài liệu minh chứng (nếu có) 22: …….

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá [28]: ……..….. Giá trị 25:
……

- Tài liệu minh chứng (nếu có) 22: …….

7. Tài sản khác:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy…)

- Tên tài sản: ..... Số đăng ký: .....

Giá trị [29]: ..... Thông tin khác (nếu có) 12: .....

- Tên tài sản: ..... Số đăng ký: .....

Giá trị 29: ..... Thông tin khác (nếu có) 12: .....

7.2. Tài sản khác như tài sản số, tài sản đấu giá *(biển số xe, sim điện thoại,...),* quyền sở hữu trí tuệ, đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, cổ vật, …:

- Loại tài sản [30]: ……..……..… Số lượng, giá trị 29: ……..

- Thông tin khác (nếu có) 12: ……...…… Tài liệu minh chứng (nếu có) 22: ……..

8. Tài sản ở nước ngoài [31]:

9. Tài khoản ở nước ngoài [32]:

- Tên chủ tài khoản: ……..…….. Số tài khoản: …….....…..

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: ……..…

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai, gồm thu nhập bằng tiền; bằng tài sản hoặc hiện vật có giá trị (ước tính hoặc giá niêm yết) [33]:

- Thu nhập của người kê khai: ……..……, gồm:

+ Thu nhập từ lương, phụ cấp, trợ cấp: ……..……..…….....

+ Thu nhập từ kinh doanh hoặc từ nguồn khác (nếu có) [34]: ……

- Thu nhập của vợ/chồng người kê khai: ……..……, gồm:

+ Thu nhập từ lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền công: ……

+ Thu nhập từ kinh doanh hoặc từ nguồn khác (nếu có) 34: ……..…

- Thu nhập của con chưa thành niên: ……..

- Các khoản thu nhập chung: ……..

- Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: …….

11. Các khoản nợ có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên: kê khai các khoản nợ bằng tiền, bằng hiện vật, ... của tổ chức, cá nhân; ghi rõ số lượng, chủng loại, giá trị; tài liệu minh chứng (nếu có).

.....

.....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP [35] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai):*

1. Tài sản, thu nhập tăng [36]:

1.1. Tài sản, thu nhập tăng thứ nhất : ……..

- Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm [37]: ..……

- Tài liệu minh chứng (nếu có) 22: ……..……

1.2. Tài sản, thu nhập tăng thứ hai (trở lên): kê khai như tài sản, thu nhập tăng thứ nhất.

2. Tài sản, thu nhập giảm [38]:

2.1. Tài sản, thu nhập giảm thứ nhất : …….

- Ghi nguyên nhân tài sản, thu nhập giảm [39]: …….

- Tài liệu minh chứng (nếu có) 22:

……..…….

2.2. Tài sản, thu nhập giảm thứ hai (trở lên): kê khai như tài sản, thu nhập giảm thứ nhất.

IV. NỘI DUNG THAY ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung thay đổi, bổ sung, điều chỉnh về thông tin chung (nếu có) [40]

Ghi những nội dung thay đổi, điều chỉnh, bổ sung về người kê khai, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên (nếu có):

……..…….…….…….

…….

2. Nội dung thay đổi, bổ sung, điều chỉnh về kê khai tài sản, thu nhập (nếu có) 40

Ghi những nội dung thay đổi, điều chỉnh, bổ sung về tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập tăng hoặc giảm:

……..…….…….…….

…….

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI [42]
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

*....., ngày ..... tháng ..... năm *41
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

(*) Người kê khai thuộc cơ quan của Đảng ghi "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM" thay cho quốc hiệu, tiêu ngữ.

[1] Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (người kê khai) ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Nếu kê khai lần đầu thì không phải kê khai: Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai; Mục III "Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập". Người kê khai ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập; nếu không có tài sản, thu nhập thì ghi "không có", không được bỏ trống tại các mục kê khai; không được tự ý cắt bỏ, thay đổi thứ tự các mục, các trường thông tin và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đã kê khai.

Trong trường hợp kê khai bản giấy: Người kê khai phải ký ở từng trang; ký và ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai; lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và việc tổ chức công khai bản kê khai).

Trong trường hợp kê khai trên môi trường điện tử (phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập): Người kê khai thực hiện theo hướng dẫn, điền đầy đủ các trường thông tin đã lập trình sẵn; sau đó trích xuất ra phụ lục, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, nếu chưa đạt yêu cầu thì phải quay lại chỉnh sửa, thay đổi, bổ sung cho đến khi hoàn thiện, ký điện tử và nộp bản kê khai.

[2] Ghi ngày chốt thông tin, dữ liệu về tài sản, thu nhập tại bản kê khai (đây là ngày cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập lấy làm căn cứ để yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người kê khai).
[3] Ghi số thẻ căn cước, số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân; ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.
[4] Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu kinh doanh tự do, nghỉ hưu hoặc nội trợ, … thì ghi rõ.
[5] Tài sản phải kê khai là tài sản tại thời điểm kê khai thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật mà tổng giá trị mỗi loại tài sản từ 150 triệu đồng trở lên.
[6] Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng trên thực tế của người kê khai đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
[7] Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục "Đất ở".
[8] Ghi cụ thể theo đơn vị hành chính sau sáp nhập (ngày 01/7/2025). Trường hợp trên Giấy chứng nhận vẫn còn địa chỉ theo đơn vị hành chính trước sáp nhập thì ghi cả địa chỉ đó.
[9] Ghi diện tích đất (m2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích thực tế nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
[10] Ghi giá trị tại thời điểm mua, chuyển nhượng hoặc thời điểm xác lập quyền sở hữu/sử dụng. Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo, ... thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường

hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp không xác định được giá trị tài sản thì ghi "không xác định được giá trị" và ghi rõ lý do.
[11] Ghi số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận thì ghi "chưa được cấp Giấy chứng nhận".
[12] Ghi thông tin về:

- Nguồn hình thành: ghi rõ nguồn hình thành tài sản (tự mua, nhận chuyển nhượng; được cho, được tặng, được thừa kế; tự tạo lập, … từ tiền tự có; từ tiền vay/khoản nợ của tổ chức, cá nhân; từ tiền cho, tặng, …). Trường hợp tài sản hình thành trong tương lai thì ghi rõ thời điểm xác lập, tổng số tiền đã chi.

- Tình trạng quản lý, sử dụng/sở hữu: Ghi rõ tình trạng thực tế quản lý, sử dụng, sở hữu như đang kinh doanh, liên danh, liên kết, đang sử dụng, đang bỏ không, cầm cố, thế chấp, … hoặc nhờ người khác đứng tên, đứng tên hộ người khác, người khác ủy quyền, … và ghi rõ họ tên, số định danh cá nhân, số thẻ căn cước hoặc số căn cước công dân của người đó.

- Ghi chú: các nội dung khác cần thiết để làm rõ, sáng tỏ về nội dung đã kê khai hoặc nội dung có liên quan (nếu có).

[13] Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.
[14] Ghi "căn hộ" nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi "nhà ở riêng lẻ" hoặc "biệt thự" nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.
[15] Ghi tổng diện tích (m2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tum mái; diện tích ghi theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu/diện tích thực tế hoặc hợp đồng mua.
[16] Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.
[17] Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát, … Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.
[18] Rừng sản xuất là rừng trồng.
[19] Trường hợp mua bằng ngoại tệ thì quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm sở hữu và ghi số lượng, đơn vị tính (chỉ, lượng, gam, ki-lô-gam, …).

Lưu ý, loại tài sản được hình thành từ nhiều tài sản khác (có giá trị nhỏ hơn 150 triệu đồng) nhưng tổng giá trị hợp thành tài sản đó trên 150 triệu đồng thì vẫn phải kê khai. Ví dụ: một vật trang sức có giá mua là 160 triệu gồm nhẫn vàng (đơn giá 10 triệu đồng) đính kim cương (đơn giá 100 triệu đồng) và đá quý (đơn giá 50 triệu đồng) thì kê khai vật trang sức đó vì có giá trị trên 150 triệu đồng, không tách riêng vàng, kim cương, đá quý.

[20] Ghi tổng số tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ). Nếu là ngoại tệ thì ghi số lượng và giá trị quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm sở hữu/cho vay/trả trước/tiền gửi.

[21] Ghi rõ số tiền thuộc sở hữu thực tế của người kê khai, vợ/chồng và con chưa thành niên. Những khoản đi mượn, vay, nợ, giữ hộ, quản lý hộ, ủy quyền, khoản phải trả, … (nếu có).
[22] Ghi thông tin của các giấy tờ, tài liệu, … có liên quan đến nội dung đã kê khai như giấy chứng nhận, giấy đăng ký, hợp đồng mua bán, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng vay mượn, di chúc, giấy tờ cho, tặng, ủy quyền, hóa đơn, chứng từ, …
[23] Tiền gửi cá nhân hoặc tổ chức trong, ngoài nước bao gồm: tiền trong tài khoản thanh toán, tiền gửi tiết kiệm (không kỳ hạn, có kỳ hạn), ...
[24] Ghi từng loại tài sản, tham khảo quy định của pháp luật (gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ; chứng quyền, chứng quyền có bảo đảm, quyền mua cổ phần, chứng chỉ lưu ký, …).
[25] Ghi giá mua tại thời điểm sở hữu hoặc giá trị bình quân tại thời điểm sở hữu.
[26] Ghi rõ từng hình thức, từng loại, từng dạng vốn góp, ví dụ tiền và giấy tờ có giá, tài sản hữu hình (quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, máy móc, thiết bị, …), tài sản vô hình (quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, công nghệ; bí quyết kỹ thuật; quyền sở hữu trí tuệ, …).
[27] Ghi số tiền hoặc giá trị do thỏa thuận, thống nhất, … tại thời điểm góp vốn.
[28] Ghi tên từng loại giấy tờ có giá như hối phiếu, séc, kỳ phiếu, tín phiếu, hợp đồng bảo hiểm, …
[29] Ghi giá trị tại thời điểm sở hữu, xác lập hoặc định giá, … từ 150 triệu đồng trở lên.
[30] Ghi rõ loại tài sản khác từ 150 triệu đồng trở lên. Lưu ý, loại tài sản được hình thành từ nhiều tài sản khác (có giá trị nhỏ hơn 150 triệu đồng) nhưng tổng giá trị hợp thành tài sản đó trên 150 triệu đồng thì vẫn phải kê khai. Ví dụ: một bộ bàn ghế gỗ có giá mua là 160 triệu đồng gồm 1 chiếc bàn (đơn giá 50 triệu đồng), 6 chiếc ghế và 2 chiếc đôn (đơn giá 80 triệu đồng) và mặt bàn bằng đá (đơn giá 30 triệu đồng) thì kê khai bộ bàn ghế đó vì có giá trị trên 150 triệu đồng, không tách riêng bàn, ghế, mặt bàn bằng đá.
[31] Kê khai tất cả các loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự từ mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.
[32] Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản, tài sản số (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài, ...).
[33] Người kê khai ghi rõ:

- Ghi thu nhập từ tiền lương, tiền công, phụ cấp, trợ cấp, ...; từ đầu tư, kinh doanh; ... hoặc bằng hiện vật.

- Đối với lần kê khai thứ hai trở đi thì kê khai thu nhập, tổng thu nhập có được, xác định từ ngày kế tiếp sau ngày kê khai của lần kê khai trước đó đến ngày kê khai.

- Trong trường hợp có những khoản thu nhập mà không thể tách riêng thì ghi tổng các khoản thu nhập đó vào mục các khoản thu nhập chung.

- Nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, hiện vật hoặc tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, …).

[34] Thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng chứng khoán, được cho, được tặng, được thừa kế, cho thuê tài sản, bất động sản, …

[35] Kê khai biến động tài sản, thu nhập là ghi tài sản, thu nhập tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản, thu nhập đã kê khai trước đó. Việc giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi.
[36] Kê khai từng tài sản, thu nhập tăng tại thời điểm kê khai so với kê khai lần liền trước đó và thông tin chi tiết về tài sản, thu nhập.
[37] Nếu tài sản, thu nhập tăng thì ghi giá trị và giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
[38] Kê khai từng tài sản, thu nhập giảm tại thời điểm kê khai so với kê khai lần liền trước đó và thông tin chi tiết về tài sản, thu nhập.
[39] Nếu tài sản, thu nhập giảm thì ghi nguyên nhân giảm.
[40] Ghi nội dung thay đổi, bổ sung, điều chỉnh, đính chính, chỉnh lý, … tương ứng với nội dung đã kê khai tại Bản kê khai trước, nêu rõ nguyên nhân, lý do, kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng (nếu có). Ví dụ, thay đổi về vị trí công tác, tình trạng hôn nhân, thay đổi do tài sản có giá trị nhỏ hơn 150 triệu đồng, do kết luận xác minh tài sản, thu nhập, …
[41] Ngày hoàn thành kê khai và nộp cho cơ quan quản lý.
[42] Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai; sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm nhận bản kê khai.